

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 12 - 2023

“ V/v tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Lan và Ông Hoàng Công Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn Nhân và Gia đình thụ lý số: 54/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1968; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1955; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 11 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Long, huyện Quảng Trạch (Nay là phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, ông M thường xuyên gây gỗ, đánh đập vợ con; tình trạng này kéo dài, mức độ ngày càng trầm trọng. Vì không sống chung được nữa nên vợ chồng đã ly thân nhau vào năm 2018, từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nhận

thấy tình cảm của mình đối với ông M thực sự không còn, ly thân nhau đã lâu nên bà có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn M để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1994; Nguyễn Thị L, sinh ngày 07 tháng 08 năm 1995 và Nguyễn Quang L, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2001. Các con chung đã trưởng thành, đầy đủ năng lực hành vi, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn M:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập để ông M tham gia tố tụng nhưng ông M đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau:

Tại Công an phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn xác định: “Công dân Nguyễn Văn M, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1955, căn cước công dân số 044055003075, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố C, phường Q, thị xã B; hiện đang có mặt, sinh sống tại địa phương”.

Tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn xác định: “Ủy ban nhân dân phường đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các lần Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập các lần đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản trên, đã cử cán bộ tổng đạt trực tiếp cho ông Nguyễn Văn M. Lý do ông M vắng mặt tại các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án thì Ủy ban nhân dân không rõ”.

Ngày 10/11/2023, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên tòa vào ngày 27/11/2023 nhưng ông Nguyễn Văn M vắng mặt nên hoãn phiên tòa. Tòa án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa nhưng ông M vẫn vắng mặt, các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình không có gì sai phạm; bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn M.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Các con chung đã trưởng thành, bà M không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung nên không xem xét.

Buộc bà Nguyễn Thị L chịu án phí ly hôn và tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn M, đây là tranh chấp về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn M có đăng ký cư trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã thực hiện thủ tục tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông Nguyễn Văn M nhưng ông M vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền, không vi phạm điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L thừa nhận cuộc sống chung trong thời kỳ hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông M thường gây gỗ, đánh đập bà và con. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông M bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của bà L và ông M không hạnh phúc, không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông M vắng mặt, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà L, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 51 và

56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

[2.2] Về quan hệ con chung: bà L trình bày giữa bà với ông M có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1994; Nguyễn Thị L, sinh ngày 07 tháng 08 năm 1995 và Nguyễn Quang L, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2001. Các con chung đã trưởng thành, bà L không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, M, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị L; xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34, ngày 19/11/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Long, huyện Quảng Trạch (Nay là phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn), tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí: bà Nguyễn Thị L chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003647 ngày 05 tháng 10 năm 2023.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/12/2023), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND p. Quảng Long, tx. Ba Đồn
(Giấy CNKH số 34, ngày 19/11/1993);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức